

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST

Ngày: 17 - 3 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Cần.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Võ Phi Hùng.

2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Trương Bảo Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Bá Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2021/HSST-QĐ, ngày 01/3/2021 đối với bị cáo:

Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ), sinh ngày 01/5/1991, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: Số 05/89 đường D, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quý T, sinh năm 1950 và bà Lê Thị T, sinh năm 1951; gia đình có 04 anh, chị em ruột; bị cáo là con thứ hai; có chồng Lê Anh H, sinh năm 1989, đã ly hôn; có 02 con lớn nhất 09 tuổi, nhỏ nhất 06 tuổi.

\* *Quá trình nhân thân:* Lúc nhỏ ở với gia đình tại L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, đi học hết lớp 09/12 thì nghỉ học. Năm 2012 lấy chồng chuyển lên thành phố H sinh sống cho đến ngày gây án.

- Năm 2018 phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, ngày 04/3/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 03 năm 06 tháng tù (Bản án số 26/2019/HS-ST).

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam B, tỉnh Thừa Thiên Huế. Bị cáo có mặt.

\* *Bị hại:* Bà Trần Thị Phước L, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 224 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Quý T, sinh năm 1950; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

\* *Người làm chứng:*

1. Chị Ngô Lê Quỳnh T, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số 224 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Chị Hồ Thị Mỹ H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt

3. Chị Nguyễn Thị Như Hồng T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn V, xã T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt,

4. Bà Lê Thị S, sinh năm 1945; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

5. Chị Hồ Thị Thu H, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

6. Chị Đỗ Thị Tuyết L, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 38 đường N, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

7. Chị Dương Thị Thuận H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 05/26 đường L, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Thu H không có nghề nghiệp, nên để có tiền trả nợ và tiêu xài, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ngày 27/7/2016, Lê Thị Thu H đến cửa hàng vật liệu xây dựng Song B của bà Trần Thị Phước L (sinh năm 1968), đóng tại 224 đường H, phường A, thành phố H. Hiền gặp chị Ngô Lê Quỳnh T (sinh năm 1989) là con dâu của bà L và nói mình là cháu bà S bán bánh ướt ở T, bà S nhờ đến đặt mua vật liệu xây dựng chuyển về T cho em trai bà S xây dựng phòng trọ. Chị T không đồng ý bán nợ vì không biết H. Lúc này Hiền nhìn thấy bà Trần Thị S (sinh

năm 1966, trú tại L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế) là bà con với mình đang giúp việc tại cửa hàng nên nhờ nói giúp. Bà S biết H là cháu bà S, đồng thời cũng là bà con với mình nên đồng ý. Sau khi nghe bà S nói Hiền là cháu của bà S và cũng là bà con của bà S nên chị T tin tưởng, đồng ý cho H lấy hàng. Do đó, từ ngày 27/7/2016 đến ngày 01/9/2016, H đã 23 ngày liên tục đến lấy nhiều loại mặt hàng khác nhau như bình nóng lạnh, vòi Sen, Sơn chống thấm và các mặt hàng khác với tổng trị giá tài sản lên đến 139.240.000 đồng (Trong đó: 01 ngày H lấy hàng với giá 1.920.000 đồng, 22 ngày H lấy hàng có giá từ 2.460.000 đồng đến 13.140.000 đồng). Sau khi lấy được hàng, H đưa đến các cửa hàng gần cầu vượt T bán lại với giá rẻ hơn lấy tiền trả nợ và tiêu xài hết. Cụ thể số hàng vật liệu xây dựng mà H đã chiếm đoạt của bà Trần Thị Phước L như sau:

- 16 (Mười sáu) thùng sơn chống thấm tường nhãn hiệu KOVA CT-11A, loại 20kg, trị giá 30.750.000 đồng.

- 02 (Hai) thùng sơn chống thấm tường hiệu KOVA CT-11A, loại 04kg, trị giá 840.000 đồng.

- 08 (Tám) thùng sơn nhãn hiệu DULUX EasyClean, màu trắng, loại 23kg, trị giá 17.000.000 đồng.

- 17 (Mười bảy) bình nóng lạnh nhãn hiệu ARISTON ANDRIS LUX, loại 15lít, trị giá 53.550.000 đồng.

- 01 (Một) bình nóng lạnh nhãn hiệu ARISTON ANDRIS RS, loại 30lít, trị giá 3.050.000 đồng.

- 28 (Hai mươi tám) vòi sen tắm nóng lạnh, nhãn hiệu Caesar, mã số S350C, trị giá 30.800.000 đồng.

- 50 (Năm mươi) sợi dây cáp (bằng xi), nhãn hiệu Caesar, mã số BF 422, trị giá 3.000.000 đồng.

- 50 (Năm mươi) phụ kiện lục giác bằng Inox, trị giá 250.000 đồng.

Quá trình điều tra, không thu giữ được số vật liệu xây dựng nêu trên nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã gửi Công văn đề nghị các Công ty TNHH ARISTON Thermo V; Công ty cổ phần thiết bị vệ sinh Caesar V; Tập đoàn sơn KOVA và Công ty TNHH Sơn Akzo mobil V cung cấp bảng báo giá sản phẩm từ ngày 27/7/2016 đến ngày 01/9/2016, làm cơ sở trung cầu Hội đồng định tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Huế, định giá qua hồ sơ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 169/KL-HĐĐG ngày 04/8/2020 và số 288/KL-HĐĐG ngày 15/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế, định giá qua hồ sơ: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 28 (hai mươi tám) vòi sen tắm nóng lạnh, nhãn hiệu Caesar, mã số S350C, trị giá 25.564.000 đồng; 50 (năm mươi) sợi dây cáp (bằng xi), nhãn hiệu Caesar, mã số BF 422, trị giá 2.200.000 đồng; 50 (năm mươi) phụ kiện lục giác bằng Inox, trị giá 250.000 đồng; 17 (mười bảy) bình nóng lạnh ARISTON ANDRIS LUX, loại 15lít, trị giá 63.580.000 đồng; 01 (một) bình nóng lạnh ARISTON ANDRIS RS, loại 30lít, trị giá 3.560.000 đồng. Tổng các khoản là 95.154.000 đồng (Chín mươi lăm triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng). Số vật liệu còn lại, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế, trả lời không có cơ sở định giá.

Nguyên nhân giá các mặt hàng qua định giá có giá trị cao hơn so với giá bán ra của cửa hàng vật liệu xây dựng Song B cho Lê Thị Thu H là do H lấy hàng trong thời gian khuyến mãi và chiết khấu, nên giá bán ra thấp hơn so với giá niêm yết của các Công ty cung cấp hàng. Vì vậy, xác định tài sản mà H chiếm đoạt chính là số tiền mà Hiền thực tế chiếm đoạt có trị giá 139.240.000 đồng.

*\* Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Lê Thị Thu H đã tác động gia đình bồi thường cho bà L số tiền 39.100.000 đồng, bà L tiếp tục yêu cầu H bồi thường số tiền còn lại là 100.140.000 đồng. H chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-HS ngày 06/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H vẫn giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) từ 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng đến 04 (Bốn) năm tù. Áp dụng điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử Tổng hợp hình phạt phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù tại bản án số: 26/2019/HS-ST, ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế, buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 07 (Bảy) năm đến 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù.

\* *Về trách nhiệm dân sự:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải bồi thường cho bà Trần Thị Phước L số tiền còn lại là 100.140.000 đồng.

\* *Về án phí dân sự và án phí hình sự sơ thẩm:* Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Thị Thu H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án, quá trình xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 27/7/2016 đến ngày 01/9/2016, Lê Thị Thu H đã 23 lần đến cửa hàng Song B, tại địa chỉ 224 đường H, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của bà Trần Thị Phước L các loại hàng hóa, gồm:

- 16 (mười sáu) thùng sơn chống thấm tường KOVA CT-11A, loại 20kg, trị giá 30.750.000 đồng.

- 02 (hai) thùng sơn chống thấm tường KOVA CT-11A, loại 04kg, trị giá 840.000 đồng.

- 08 (tám) thùng sơn DULUX EasyClean, màu trắng, loại 23kg, trị giá 17.000.000 đồng.

- 17 (mười bảy) bình nóng lạnh ARISTON ANDRIS LUX, loại 15lít, trị giá 53.550.000 đồng.

- 01 (một) bình nóng lạnh ARISTON ANDRIS RS, loại 30lít, trị giá 3.050.000 đồng.

- 28 (hai mươi tám) vòi sen tắm nóng lạnh, nhãn hiệu Caesar, mã số S350C, trị giá 30.800.000 đồng.

- 50 (năm mươi) sợi dây cáp (bằng xi), nhãn hiệu Caesar, mã số BF 422, trị giá 3.000.000 đồng.

- 50 (năm mươi) phụ kiện lục giác bằng Inox, trị giá 250.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản mà Lê Thị Thu H chiếm đoạt của bà L là 139.240.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng). Lê Thị Thu H không có nghề nghiệp, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính cho bản thân. Do vậy, Lê Thị Thu H đã phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng

hình phạt là phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại các điểm b, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Với hành vi nêu trên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo các điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Trong một thời gian ngắn, H đã 23 lần lừa đảo có tổng trị giá 139.240.000 đồng (Trong đó có 22 lần chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 2.460.000 đồng đến 13.140.000 đồng), nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bởi vậy, đối với Lê Thị Thu H cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo đồng thời răn đe và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngày 04/3/2019 Lê Thị Thu H bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 16/8/2018, tại bản án số: 26/2019/HS-ST của Tòa án nhân dân thành phố H, hiện nay bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã có Quyết định thi hành hình phạt tù (Đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam) số: 68/2019/QĐ-CA, ngày 09/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Hiện Lê Thị Thu H đang chấp hành án tại Trại giam B, xã B, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, theo Quyết định đưa người chấp hành án phạt tù đến nơi chấp hành án số: 1840/QĐ-CP10-P7 ngày 02/5/2019 của Bộ công an Cơ quan quản lý T.H.A.H.S. Nên cần tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tại bản án số: 26/2019/HS-ST ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H; buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đen) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

\* Về trách nhiệm dân sự: Lê Thị Thu H đã chiếm đoạt các tài sản của bà Trần Thị Phước Loan với tổng số tiền: 139.240.000 đồng, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bà L được 39.100.000 đồng. Nay bà L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 100.140.000 đồng. Xét yêu cầu của bà L là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

\* Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chịu 100.140.000 đồng x 5% = 5.007.000 đồng (Năm triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ các điểm b, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015;

- Xử phạt Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đen) 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù. Áp dụng điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015, Tổng hợp hình phạt phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại bản án số: 26/2019/HS-ST, ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H; buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giam 16/8/2018.

\* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự 2015; các Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự 2015, buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đen) phải bồi thường cho bà Lê Thị Phước L số tiền còn lại là 100.140.000 đồng (Một trăm triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị cáo Lê Thị Thu H (Tên gọi khác: Đ) phải chịu 5.007.000 đồng (Năm triệu không trăm lẻ bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh TT Huế;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Huỳnh Trọng Cẩn**







